

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST

Ngày: 15-01-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiên

2. Ông Sơn Mút

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án,
Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 07 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1952

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1956

Địa chỉ: Tổ 05, ấp T, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn Q, sinh năm: 1955

Địa chỉ: Tổ 05, ấp T, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Huỳnh Thị H trình bày:

Ngày 05/02/2018, bà có cho bà Nguyễn Thị C vay số tiền 120.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, đóng lãi hàng tháng, thời hạn trả vốn là 01 năm. Bà C có làm biên nhận và ký tên, bà C đã nhận đủ số tiền vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà C không một lần đóng lãi và cũng không trả vốn gốc cho bà. Bà có đến gặp bà C yêu cầu trả nợ nhưng bà C chỉ hứa rồi không trả. Hiện nay bà C vẫn còn nợ bà số tiền vốn gốc 120.000.000 đồng.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị C trả số tiền vốn gốc 120.000.000 đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 05/02/2018 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 05/7/2018 là 9.960.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 64/TB-TLVA ngày 23/7/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 924/TB-TA ngày 15/8/2018; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 1035/TB-TA ngày 07/9/2018; Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ số 1285/TB-TA ngày 01/11/2018 nhưng bà C và ông Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả số tiền vốn gốc 120.000.000 đồng và lãi từ ngày 05/02/2018 đến ngày 05/01/2019, mức lãi suất 1,66%/tháng thành tiền 21.912.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn Q vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 29/11/2018, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn Q đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do. Đến ngày 18/12/2018, Tòa án tạm ngừng phiên tòa với lý do các Hội thẩm nhân dân không thể tham gia Hội đồng xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, bà C và ông Q đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định tạm ngừng phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, bà C và ông Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ngày 05/02/2018, bà Nguyễn Thị C có vay của bà Huỳnh Thị H số tiền 120.000.000 đồng, mức lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 năm. Việc vay tiền bà C có viết Biên nhận, có ký tên, ghi họ tên Nguyễn Thị C và đã nhận đủ số tiền 120.000.000 đồng.

Sau khi Hợp đồng được ký kết và đến thời điểm hiện nay, bà C chưa trả số tiền vốn gốc nào cho bà H, đồng thời cũng không đóng lãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Mặc dù đến nay chưa hết hạn của hợp đồng nhưng do bà C vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên buộc bà C phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 120.000.000 đồng cho bà H. Do bà H không yêu cầu ông Q cùng chịu trách nhiệm trả nợ với bà C nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Đối với số tiền lãi, theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay mức lãi suất là 3%/tháng. Theo quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay”. Tuy nhiên, bà H chỉ yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp với quy định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất 1,66%/ tháng trên số tiền vay 120.000.000 đồng. Bà H chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày

05/02/2018 đến ngày 05/01/2019, tổng cộng 11 tháng là đã có lợi cho bà C. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015: “Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả”. Do đó, buộc bà C có nghĩa vụ trả số tiền lãi cho bà H, cụ thể: $120.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 21.912.000 \text{ đồng}$,

[4] Về án phí: Bà C phải chịu án phí đối với số tiền vốn gốc và lãi buộc phải trả cho bà H, tuy nhiên do bà C là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 476 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị C trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền vốn gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi 21.912.000 đồng (Hai mươi một triệu chín trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị C chưa chịu trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị C.

Hoàn trả bà Huỳnh Thị H số tiền tạm ứng án phí 3.249.000 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009232 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Dương sự: 03
- Lưu: 04

Trần Quốc Huy